Name: ..... Class: 3A12

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (18/10/2021 - 22/10/2021)

Thời gian	Nội dung học: Grammar 1 – Past Simple Tense
Thứ 2 (18/10)	**1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo** (3 lần) Con mở **audio bên cạnh** để nghe bài. 🎧

				
1. go -> went	**2. make -> made**	**3. see -> saw**	**4. swim -> swam**	**5. drive -> drove**
				
6. eat -> ate	**7. take -> took**	**8. sleep -> slept**	**9. do -> did**	**10. sing -> sang**

2) Làm **phiếu số 1** trong workbook **NIK3 – Week 12** trên **liveworksheets**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3 (19/10)	**1, Con chuẩn bị bài nói của cô Mona** (Hạn nộp: Thứ 7 – ngày 23/10) ***"What did you do on your last vacation?"*** Con kể về các hoạt động con đã làm trong kì nghỉ gần đây nhất của mình, quay video gửi lên Padlet: https://padlet.com/englishdtd/zev29l5b479gwbv5 **Con có thể nói theo các gợi ý sau:** • *Where did you go?* *I went **camping** by the river. / I went to the **beach/ mountains/ town/ city**.* • *Who did you go with?* *I went with my **family/ friends/ grandparents/ parents**.* • *How did you travel?* *I travelled by **car/ bus/ taxi/ train**.* • *What did you do there?* *I went fishing/ I played on the sand/ I walked up a hill/ I slept in a tent/, etc ..* **2)** Làm **phiếu số 2** trong workbook **NIK3 – Week 12** trên **liveworksheets**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4
(20/10)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở **audio bên cạnh** để nghe bài. 🎧

 **1. go -> went**	 **2. make -> made**	 **3. see -> saw**	 **4. swim -> swam**	 **5. drive -> drove**
 **6. eat -> ate**	 **7. take -> took**	 **8. sleep -> slept**	 **9. do -> did**	 **10. sing -> sang**

2) Luyện viết động từ bất quy tắc

3) Làm bài tập trong Workbook trang 36 + 37

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4
(20/10)

4) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở **audio bên cạnh** để nghe bài. 🎧

1 **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **I <u>made</u> a fire at the campsite.**	2 **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **We <u>sang</u> a song together.**
3 **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **I <u>swam</u> in the river.**	4 **What <u>did</u> you do at the campsite?**  **I <u>slept</u> in the tent.**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5 (21/10)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở **audio bên cạnh** để nghe bài.

 **1. go -> went**	 **2. make -> made**	 **3. see -> saw**	 **4. swim -> swam**	 **5. drive -> drove**
 **6. eat -> ate**	 **7. take -> took**	 **8. sleep -> slept**	 **9. do -> did**	 **10. sing -> sang**

2) Làm **phiếu số 3** trong workbook **NIK3 – Week 12** trên **liveworksheets**

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5 (21/10)	**3) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo** (2 lần) Con mở **audio bên cạnh** để nghe bài. 🎧

1  **I <u>didn't</u> go fishing.**	2  **He <u>didn't</u> sleep in the sleeping bag.**
3  **She <u>didn't</u> see bear prints.**	4  **They <u>didn't</u> drive the cars.**

Thứ 6 (22/10)	**1) Làm bài tập trên Pearson Portal: http://english.com/login** **2) Hoàn thành bài video bài nói nộp trên padlet.**

~ THE END ~

LIVEWORKSHEETS